

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LUẬT HÌNH SỰ 1

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

CẦN THƠ – 2018

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
LUẬT HÌNH SỰ 1

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật Hình sự 1
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật kinh tế
+ Bachelor: Đại học
+ Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật Kinh tế
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01, Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Nguyễn Văn Cừ (Nội dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Luật hình sự 1, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm luật hình sự và lịch sử lập pháp hình sự của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;
- Nêu được khái niệm tội phạm, hình phạt và các khái niệm khác liên quan đến tội phạm và hình phạt;
- Xác định được nguồn của luật hình sự và nội dung của các văn bản giải thích luật hình sự;
- Xác định được bản chất, đặc điểm, nội dung của các khái niệm trong luật hình sự;
- Phân tích được các kiến thức cơ bản để giải quyết các tình huống cụ thể của phần chung;
- Phân tích được các kiến thức cơ bản để áp dụng các căn cứ quyết định hình phạt.
- Phân biệt được trường hợp phạm tội với trường hợp không phải là tội phạm;

2.2. Về kỹ năng

- Hình thành và phát triển được năng lực thu thập, xử lý thông tin, kỹ năng tổng hợp, phân tích, so sánh, hệ thống hoá, bình luận, đánh giá các vấn đề trong luật hình sự;
- Xây dựng được hệ thống căn cứ pháp lý để giải quyết tình huống cụ thể của luật hình sự;
- Thành thạo kỹ năng phân tích tình huống và xác định điều luật cần áp dụng trong tình huống phạm tội cụ thể.

- Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;
- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kỹ năng lập luận, hùng biện của người học;
- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

2.4. Về thái độ

- Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.
- Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;
- Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên.
- Hình thành, củng cố và nâng cao ý thức trách nhiệm của người cán bộ thực hiện nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến luật hình sự;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

<i>Vấn đề/ Bậc nhận thức</i>	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Vấn đề 1. Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam	<p>1A1. Nêu được định nghĩa về luật hình sự.</p> <p>1A2. Nêu được định nghĩa đối tượng điều chỉnh của luật hình sự.</p> <p>1A3. Nêu được định nghĩa phương pháp điều chỉnh của luật hình sự.</p> <p>1A4. Nêu được nội dung của quy phạm pháp luật hình sự.</p>	<p>1B1. Phân biệt được sự khác nhau giữa khái niệm luật hình sự và khái niệm luật hành chính, luật hiến pháp, luật dân sự.</p> <p>1B2. Phân tích được khái niệm đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự.</p>	<p>1C1. Bình luận được về định nghĩa luật hình sự.</p> <p>1C2. Nêu được nhận xét của cá nhân về đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hình sự.</p>

	<p>1A5. Nêu được các nhiệm vụ (chức năng) của luật hình sự Việt Nam.</p> <p>1A6. Nêu được khái niệm chung về các nguyên tắc của luật hình sự và kể tên sáu nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam.</p>	<p>1B3. Chỉ ra được sự giống nhau, khác nhau giữa đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự với các ngành luật hành chính, dân sự.</p> <p>1B4. Giải thích được nội dung của sáu nguyên tắc của luật hình sự.</p> <p>1B5. Phân tích được nội dung của nguyên tắc pháp chế.</p> <p>1B6. Phân tích được nội dung của nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật.</p> <p>1B7. Phân tích được nội dung của nguyên tắc nhân đạo.</p> <p>1B8. Phân tích được nội dung của nguyên tắc hành vi và nguyên tắc có lỗi.</p> <p>1B9. Phân tích được nội dung nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự.</p>	<p>1C3. Nêu được quan điểm cá nhân về sự cần thiết của các nguyên tắc của luật hình sự.</p> <p>1C4. Xác định được biểu hiện của nguyên tắc pháp chế trong một số điều luật cụ thể của BLHS và đưa ra được nhận xét cá nhân về những quy định đó.</p> <p>1C5. Xác định được biểu hiện của nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật trong một số điều luật cụ thể của BLHS và đưa ra được nhận xét cá nhân về những quy định đó.</p> <p>1C6. Xác định được biểu hiện của nguyên tắc nhân đạo trong một số điều luật cụ thể của BLHS và đưa ra</p>
--	--	---	---

			<p>được nhận xét cá nhân về những quy định đó.</p> <p>1C7. Xác định được biểu hiện của nguyên tắc hành vi và nguyên tắc có lỗi trong một số điều luật cụ thể của BLHS và đưa ra được nhận xét cá nhân về những quy định đó.</p> <p>1C8. Xác định được biểu hiện của nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự trong một số điều luật cụ thể của BLHS và đưa ra được nhận xét cá nhân về những quy định đó.</p>
<p>Vấn đề 2. Nguồn của luật hình sự Việt Nam</p>	<p>2A1. Nêu được khái niệm về nguồn của luật hình sự.</p> <p>2A2. Nêu được khái niệm hiệu lực của luật hình sự.</p> <p>2A3. Nêu được nội dung hiệu lực về thời gian của luật hình sự.</p> <p>2A4. Nêu được nội dung</p>	<p>2B1. Phân tích được khái niệm nguồn của luật hình sự.</p> <p>2B2. Nêu được sự khác nhau giữa hiệu lực theo thời gian và không gian của luật hình sự.</p> <p>2B3. Vận dụng được</p>	<p>2C1. Đưa ra được nhận xét của cá nhân về hiệu lực theo thời gian của BLHS Việt Nam.</p> <p>2C2. Đưa ra</p>

	<p>hiệu lực về không gian của luật hình sự.</p> <p>2A5. Nêu được nội dung hiệu lực của BLHS Việt Nam.</p> <p>2A6. Nêu được cấu tạo của BLHS Việt Nam.</p>	<p>kiến thức về hiệu lực theo thời gian và không gian trong các tình huống cụ thể.</p>	<p>được nhận xét của cá nhân về hiệu lực theo không gian của BLHS Việt Nam.</p> <p>2C3. Đưa ra được nhận xét của cá nhân về cấu tạo của BLHS Việt Nam.</p> <p>2C4. Trình bày được quan điểm cá nhân về các cách giải thích BLHS Việt Nam.</p>
<p>Vấn đề 3. Tội phạm</p>	<p>3A1. Nêu được định nghĩa đầy đủ về tội phạm tại Điều 8 BLHS năm 2015 và định nghĩa khái quát về tội phạm trong giáo trình.</p> <p>3A2. Nêu được 4 dấu hiệu của tội phạm.</p> <p>3A3. Nêu được căn cứ phân loại tội phạm theo khoản 1 Điều 9.</p> <p>3A4. Nêu được 4 loại tội phạm (khoản 1 Điều 9 BLHS Việt Nam) và xác định được dấu hiệu của từng loại tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 9 BLHS.</p>	<p>3B1. Nêu được ý nghĩa của định nghĩa tội phạm.</p> <p>3B2. Phân tích được nội dung các dấu hiệu của tội phạm.</p> <p>3B3. Nêu được dấu hiệu quan trọng nhất của tội phạm và giải thích.</p> <p>3B4. Lý giải được tầm quan trọng của việc phân loại tội phạm.</p> <p>3B5. Vận dụng được quy định của khoản 1 Điều 9 BLHS để: - Xác định đúng loại tội phạm được quy định</p>	<p>3C1. Đưa ra được quan điểm của cá nhân về định nghĩa tội phạm trong luật và trong khoa học luật hình sự.</p> <p>3C2. Nhận xét được mối quan hệ giữa các dấu hiệu của tội phạm.</p> <p>3C3. Bình luận các ý kiến khác nhau về các dấu hiệu của tội phạm và nêu ý kiến cá nhân.</p>

	<p>3A5. Nêu được sự khác nhau giữa tội phạm và vi phạm.</p>	<p>trong phần các tội phạm của BLHS; - Áp dụng đúng những quy định của phần chung BLHS như các điều 27, 32, 54, 59, 91...</p> <p>3B6. Xác định được tiêu chuẩn phân biệt tội phạm và vi phạm.</p>	<p>3C4. Nêu được nhận xét của cá nhân về sự phân loại tội phạm theo khoản 1 Điều 9 BLHS Việt Nam.</p>
<p>Vấn đề 4. Cấu thành tội phạm</p>	<p>4A1. Nêu được tên bốn yếu tố của tội phạm và nội dung 4 yếu tố đó.</p> <p>4A2. Nêu được khái niệm CTTP.</p> <p>4A3. Nêu được 2 căn cứ phân loại CTTP.</p> <p>4A4. Nêu được 3 ý nghĩa của CTTP.</p>	<p>4B1. Xác định được mối quan hệ của bốn yếu tố của tội phạm.</p> <p>4B2. Phân tích được đặc điểm các dấu hiệu trong CTTP.</p> <p>4B3. Phân tích được nội dung các loại CTTP và vận dụng được vào tình huống cụ thể.</p> <p>4B4. Phân tích được nội dung các ý nghĩa của CTTP.</p>	<p>4C1. Trình bày được quan điểm cá nhân về cách xây dựng CTTP trong BLHS.</p> <p>4C2. Trình bày được quan điểm cá nhân về cách phân loại CTTP.</p> <p>4C3. Trình bày được quan điểm cá nhân về mối quan hệ giữa tội phạm và CTTP.</p>
<p>Vấn đề 5. Khách thể của tội phạm</p>	<p>5A1. Nêu được định nghĩa khách thể, các nhóm quan hệ xã hội được quy định tại Điều 8 BLHS.</p> <p>5A2. Nêu được 3 loại khách thể của tội phạm.</p> <p>5A3. Nêu được khái niệm và 3 loại đối tượng tác động của tội phạm.</p>	<p>5B1. Phân biệt được khách thể của tội phạm với khách thể bảo vệ của luật hình sự.</p> <p>5B2. Phân tích được nội dung của từng loại khách thể của tội phạm.</p> <p>5B3. Phân biệt được khách thể của tội phạm với đối tượng tác động của tội phạm.</p>	<p>5C1. Trình bày được quan điểm cá nhân về chính sách hình sự của Nhà nước thông qua việc quy định phạm vi các quan hệ xã hội được coi là khách thể của tội phạm.</p> <p>5C2. Đưa ra</p>

			<p>được quan điểm cá nhân về cách sắp xếp các tội phạm cụ thể theo từng chương trong BLHS; cách xác định khách thể trực tiếp.</p> <p>5C3. Đưa ra được quan điểm cá nhân về mối quan hệ giữa đối tượng tác động của tội phạm với công cụ, phương tiện phạm tội.</p>
<p>Vấn đề 6. Mặt khách quan của tội phạm</p>	<p>6A1. Nêu được nội dung của mặt khách quan của tội phạm.</p> <p>6A2. Nêu được định nghĩa và 3 đặc điểm của hành vi khách quan của tội phạm.</p> <p>6A3. Nêu được khái niệm hậu quả của tội phạm.</p> <p>6A4. Nêu được mối quan hệ nhân quả trong luật hình sự.</p> <p>6A5. Nêu được nội dung biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm.</p>	<p>6B1. Trình bày được ý nghĩa của việc nghiên cứu mặt khách quan của tội phạm.</p> <p>6B2. Phân tích được 3 đặc điểm của hành vi khách quan của tội phạm.</p> <p>6B3. Phân tích được 2 hình thức của hành vi khách quan của tội phạm và đặc điểm 3 dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm.</p> <p>6B4. Phân tích được 4 dạng thể hiện của hậu quả của tội phạm.</p> <p>6B5. Phân tích được cơ sở lý luận về xác định</p>	<p>6C1. Nhận xét được tầm quan trọng, ý nghĩa mặt khách quan của tội phạm.</p> <p>6C2. Đưa ra được quan điểm cá nhân về khái niệm tội ghép, tội kéo dài, tội liên tục và ý nghĩa về mặt khoa học cũng như thực tiễn.</p> <p>6C3. Đưa ra được quan điểm cá nhân về ý nghĩa của việc xác định hậu quả nguy hiểm cho</p>

		<p>mối quan hệ nhân quả trong luật hình sự.</p> <p>6B6. Trình bày được nội dung biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm.</p>	<p>xã hội trong áp dụng luật hình sự.</p> <p>6C4. Đưa ra được quan điểm cá nhân về các dạng mối quan hệ nhân quả.</p> <p>6C5. Xác định được ý nghĩa pháp lý nội dung biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm.</p>
<p>Vấn đề 7. Chủ thể của tội phạm</p>	<p>7A1. Nêu được định nghĩa chủ thể của tội phạm.</p> <p>7A2. Nêu được khái niệm năng lực TNHS.</p> <p>7A3. Nêu được định nghĩa tình trạng không có năng lực TNHS.</p> <p>7A4. Nêu được quy định của BLHS về TNHS của người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác.</p> <p>7A5. Nêu được quy định của BLHS về tuổi chịu TNHS.</p> <p>7A6. Nêu được khái niệm chủ thể đặc biệt của tội phạm.</p>	<p>7B1. Phân tích được 2 dấu hiệu của tình trạng không có năng lực TNHS.</p> <p>7B2. Phân biệt được tình trạng không có năng lực TNHS và năng lực TNHS hạn chế.</p> <p>7B3. Vận dụng được quy định tại Điều 12 BLHS vào tình huống cụ thể.</p> <p>7B4. Xác định được cơ sở khoa học của việc quy định chủ thể đặc biệt của tội phạm theo luật hình sự Việt Nam.</p> <p>7B5. Vận dụng để xác định được chủ thể đặc biệt của tội phạm trong tình huống cụ thể.</p>	<p>7C1. Đưa ra được quan điểm về mối quan hệ giữa độ tuổi và năng lực TNHS.</p> <p>7C2. Xác định được cơ sở khoa học của TNHS đối với người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác.</p> <p>7C3. Nhận xét được quy định độ tuổi chịu</p>

	7A7. Nêu được định nghĩa nhân thân người phạm tội.	7B6. Phân tích được đặc điểm nhân thân người phạm tội và ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam.	TNHS trong luật hình sự Việt Nam.
Vấn đề 8. Mặt chủ quan của tội phạm	<p>8A1. Nêu được định nghĩa mặt chủ quan của tội phạm.</p> <p>8A2. Nêu được định nghĩa lỗi; kể được bốn loại lỗi.</p> <p>8A3. Nêu được định nghĩa lỗi cố ý trực tiếp (khoản 1 Điều 10 BLHS); nêu ví dụ.</p> <p>8A4. Nêu được định nghĩa lỗi cố ý gián tiếp (khoản 2 Điều 10 BLHS); nêu ví dụ.</p> <p>8A5. Nêu được định nghĩa lỗi vô ý phạm tội vì quá tự tin (khoản 1 Điều 11 BLHS); nêu ví dụ.</p> <p>8A6. Nêu được định nghĩa lỗi vô ý phạm tội vì cẩu thả (khoản 2 Điều 11 BLHS); nêu ví dụ.</p> <p>8A7. Nêu được định nghĩa sự kiện bất ngờ (Điều 20 BLHS); nêu ví dụ.</p> <p>8A8. Nêu được định nghĩa động cơ, mục đích phạm tội; nêu ví dụ.</p> <p>8A9. Nêu được khái niệm</p>	<p>8B1. Nêu được nội dung của mặt chủ quan của tội phạm; ý nghĩa của việc nghiên cứu mặt chủ quan của tội phạm.</p> <p>8B2. Phân tích được các dấu hiệu của lỗi; ý nghĩa của lỗi trong xây dựng CTTP.</p> <p>8B3. Phân tích được 2 dấu hiệu của lỗi cố ý trực tiếp.</p> <p>8B4. Phân tích được 2 dấu hiệu của lỗi cố ý gián tiếp. Phân biệt được lỗi cố ý trực tiếp với lỗi cố ý gián tiếp.</p> <p>8B5. Phân tích được 2 dấu hiệu của lỗi vô ý phạm tội vì quá tự tin.</p> <p>8B6. Phân tích được 2 dấu hiệu của lỗi vô ý phạm tội vì cẩu thả.</p> <p>8B7. Phân tích được nội dung của sự kiện bất ngờ.</p> <p>8B8. Phân biệt được trường hợp sự kiện bất</p>	<p>8C1. Đưa ra được quan điểm cá nhân về vai trò của mặt chủ quan của tội phạm.</p> <p>8C2. Đưa ra được quan điểm cá nhân về cơ sở của lỗi trong luật hình sự.</p> <p>8C3. Đưa ra được quan điểm cá nhân về điểm chung của các trường hợp có lỗi.</p>

	<p>trường hợp sai lầm về pháp luật; nêu ví dụ.</p> <p>8A10. Nêu được khái niệm trường hợp sai lầm về sự việc; nêu ví dụ.</p>	<p>ngờ với lỗi vô ý phạm tội vì câu thả.</p> <p>8B9. Phân tích được nội dung trường hợp sai lầm về pháp luật và sai lầm về sự việc.</p>	
<p>Vấn đề 9. Các giai đoạn thực hiện tội</p>	<p>9A1. Nêu được khái niệm về các giai đoạn thực hiện tội phạm; nêu ví dụ.</p> <p>9A2. Nêu được định nghĩa chuẩn bị phạm tội (Điều 14 BLHS); nêu ví dụ.</p> <p>9A3. Nêu được định nghĩa phạm tội chưa đạt (Điều 15 BLHS); nêu ví dụ.</p> <p>9A4. Nêu được 2 cách phân loại đối với phạm tội chưa đạt.</p> <p>9A5. Nêu được định nghĩa tội phạm hoàn thành; nêu ví dụ.</p> <p>9A7. Nêu được định nghĩa tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 16 BLHS); nêu ví dụ.</p>	<p>9B1. Giải thích được tại sao các giai đoạn thực hiện tội phạm chỉ đặt ra đối với tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.</p> <p>9B2. Phân tích được đặc điểm của giai đoạn chuẩn bị phạm tội và TNHS của chuẩn bị phạm tội.</p> <p>9B3. - Phân tích được dấu hiệu của giai đoạn phạm tội chưa đạt; sự khác nhau của mỗi trường hợp phạm tội chưa đạt; - Xác định được TNHS đối với phạm tội chưa đạt.</p> <p>9B4. Xác định được thời điểm hoàn thành của tội phạm có cấu thành vật chất và tội phạm có cấu thành hình thức.</p> <p>9B5. Phân biệt được tội phạm hoàn thành với tội phạm kết thúc.</p> <p>9B6. Phân tích được 2</p>	<p>9C1. Đưa ra được quan điểm cá nhân về ý nghĩa của việc quy định các giai đoạn thực hiện tội phạm trong BLHS Việt Nam.</p> <p>9C2. Đưa ra được quan điểm cá nhân về TNHS của chuẩn bị phạm tội theo quy định của BLHS Việt Nam.</p> <p>9C3. Đưa ra được quan điểm cá nhân về TNHS của phạm tội chưa đạt theo quy định của BLHS Việt Nam.</p> <p>9C4. Đưa ra được quan điểm cá nhân về TNHS của tự ý nửa chừng chấm</p>

		điều kiện của tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; TNHS của trường hợp này.	dứt việc phạm tội. 9C5. Đưa ra được quan điểm cá nhân về tội phạm có cấu thành hình thức có thể có giai đoạn phạm tội chưa đạt.
Vấn đề 10. Đồng phạm	<p>10A1. Nêu được định nghĩa về đồng phạm tại Điều 17 BLHS năm 2015; nêu ví dụ.</p> <p>10A2. Kể được 3 dấu hiệu thuộc mặt khách và mặt chủ quan của đồng phạm.</p> <p>10A3. Kể được tên bốn loại người đồng phạm và nêu được định nghĩa về từng loại người đồng phạm.</p> <p>10A4. Nêu được khái niệm các hình thức đồng phạm.</p> <p>10A5. Nêu được 3 vấn đề liên quan đến việc xác định tội phạm trong đồng phạm: Chủ thể đặc biệt; giai đoạn phạm tội; tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.</p> <p>10A6. Nêu được 3 nguyên tắc xác định TNHS trong đồng phạm.</p> <p>10A7. Nêu được khái</p>	<p>10B1. So sánh được định nghĩa đồng phạm tại Điều 17 BLHS năm 2015 với định nghĩa về đồng phạm trong BLHS năm 1999.</p> <p>10B2. Lấy được 3 ví dụ về đồng phạm và giải thích.</p> <p>10B3. Phân tích được đặc điểm của từng loại người đồng phạm.</p> <p>10B4. Phân tích được 2 căn cứ phân loại đồng phạm và đặc điểm của các hình thức đồng phạm.</p> <p>10B5. Phân tích được điều kiện của tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong đồng phạm và vận dụng được trong tình huống cụ thể.</p> <p>10B6. Phân tích được cơ sở lý luận và nội</p>	<p>10C1. Nhận xét được tính hợp lý, khoa học của định nghĩa đồng phạm trong BLHS năm 2015 so với các định nghĩa đồng phạm trước đó.</p> <p>10C2. Nhận xét được về tính hợp lý của các dấu hiệu khách quan và chủ quan của đồng phạm.</p> <p>10C3. Nhận xét được về tính nguy hiểm của người tổ chức trong đồng phạm.</p> <p>10C4. Đánh giá được về chính sách hình sự của Nhà nước đối với phạm tội có tổ chức.</p>

	<p>niệm hành vi liên quan đến tội phạm nhưng cấu thành tội độc lập.</p>	<p>dung của từng nguyên tắc xác định TNHS trong đồng phạm.</p> <p>10B7. Phân tích được 3 dạng hành vi liên quan đến tội phạm nhưng cấu thành tội độc lập.</p>	<p>10C5. Nêu được quan điểm của cá nhân về khái niệm tổ chức tội phạm.</p> <p>10C6. Nêu được quan điểm của cá nhân về hành vi vượt quá trong đồng phạm.</p> <p>10C7. Đưa ra được quan điểm cá nhân về quy định TNHS đối với người có hành vi không tổ giác tội phạm.</p>
<p>Vấn đề 11. Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi</p>	<p>11A1. Nêu được khái niệm chung về các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi.</p> <p>11A2. Nêu được khái niệm phòng vệ chính đáng (Điều 22 BLHS).</p> <p>11A3. Nêu được khái niệm vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.</p> <p>11A4. Nêu được khái niệm chung về phòng vệ quá sớm, phòng vệ quá muộn, phòng vệ tương tự.</p> <p>11A5. Nêu được khái niệm tình thế cấp thiết</p>	<p>11B1. Phân tích được đặc điểm chung của các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi.</p> <p>11B2. Phân tích được các điều kiện của phòng vệ chính đáng.</p> <p>11B3. Phân biệt được phòng vệ chính đáng với vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.</p> <p>11B4. Phân biệt được trường hợp phòng vệ quá sớm, phòng vệ quá muộn, phòng vệ tương tự với phòng vệ</p>	<p>11C1. Đưa ra được quan điểm cá nhân về phạm vi các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi theo quy định của BLHS năm 2015.</p> <p>11C2. Đưa ra được quan điểm cá nhân về việc coi phòng vệ chính đáng là quyền hay nghĩa vụ của công dân.</p> <p>11C3. Đưa ra</p>

	(Điều 23 BLHS).	chính đáng. 11B5. Phân tích được điều kiện của tình thế cấp thiết. 11B6. So sánh được phòng vệ chính đáng (Điều 22 BLHS) với tình thế cấp thiết (Điều 23 BLHS).	được quan điểm cá nhân về thuật ngữ “cần thiết” trong phòng vệ chính đáng theo quy định của BLHS năm 2015. Có thể thay bằng thuật ngữ “tương xứng” không ?
Vấn đề 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt; hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp	12A1. Nêu được khái niệm về TNHS. 12A2. Nêu được căn cứ phát sinh và chấm dứt TNHS. 12A3. Nêu được căn cứ miễn TNHS và miễn hình phạt (Điều 29 và Điều 59 BLHS). 12A4. Nêu được khái niệm thời hiệu truy cứu TNHS (Điều 27 BLHS).. 12A5. Nêu được khái niệm hình phạt (Điều 30 BLHS). 12A6. Nêu mục đích của hình phạt (Điều 31 BLHS). 12A7. Nêu được khái niệm hệ thống hình phạt và khái niệm các biện pháp tư pháp; - Xác định được các hình phạt thuộc hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt	12B1. Phân tích được đặc điểm của TNHS. 12B2. Phân tích được cơ sở của TNHS. 12B3. Phân biệt được miễn TNHS và miễn hình phạt. 12B4. Phân tích được điều kiện áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS (Điều 23, Điều 24 BLHS). 12B5. Phân tích được đặc điểm của hình phạt. 12B6. Phân tích được mục đích của hình phạt. 12B7. Phân tích được mối liên hệ giữa tính đa dạng của hệ thống hình phạt với sự đa dạng về tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm. 12B8. Vận dụng được	12C1. Nhận xét được mục đích của hình phạt. 12C2. Nhận xét được sự đa dạng của các hình phạt trong hệ thống hình phạt của BLHS Việt Nam. 12C3. Nhận xét được trật tự sắp xếp các hình phạt trong hệ thống hình phạt. 12C4. Đưa ra được quan điểm riêng về nội dung và điều kiện áp dụng của từng hình thức hình phạt theo quy định của BLHS năm 2015.

	<p>Nam (Điều 32 BLHS).</p> <p>12A8. Nêu được sự khác nhau giữa hình phạt chính và hình phạt bổ sung.</p> <p>12A9. Nêu được nội dung và điều kiện áp dụng của mỗi hình thức hình phạt.</p> <p>12A10. Nêu được đối tượng bị áp dụng từng loại biện pháp tư pháp theo quy định của Chương VII BLHS.</p>	<p>các tiêu chí phân biệt hình phạt chính và hình phạt bổ sung vào tình huống cụ thể.</p> <p>12B9. Vận dụng được điều kiện áp dụng của mỗi hình thức hình phạt để giải quyết tình huống cụ thể.</p>	
<p>Vấn đề 13. Quyết định hình phạt</p>	<p>13A1. Nêu được khái niệm quyết định hình phạt theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp, lấy được ví dụ.</p> <p>13A2. Nêu được 4 căn cứ quyết định hình phạt (Điều 50 BLHS).</p> <p>13A3. Nêu được khái niệm chung về quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt.</p> <p>13A4. Nêu được các điều kiện để áp dụng chế định quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật (Điều 54 BLHS) .</p> <p>13A5. Nêu được nội dung của quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 55 BLHS).</p> <p>13A6. Nêu được nội dung của quyết định hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án (Điều 56 BLHS).</p>	<p>13B1. Xác định được mối quan hệ giữa định tội và quyết định hình phạt.</p> <p>13B2. Phân tích được nội dung của 4 căn cứ quyết định hình phạt.</p> <p>13B3. Phân biệt được quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt với quyết định hình phạt trong trường hợp thông thường.</p> <p>13B4. Vận dụng được quy định của Điều 54 BLHS về quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật vào tình huống cụ thể.</p> <p>13B5. Vận dụng được quy định của Điều 55 BLHS về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội vào</p>	<p>13C1. Đưa ra được quan điểm cá nhân về quy định của BLHS hiện hành đối với bốn căn cứ quyết định hình phạt.</p> <p>13C2. Đưa ra được quan điểm cá nhân về quy định của Điều 54 BLHS.</p> <p>13C3. Đưa ra được quan điểm cá nhân về quy định của Điều 55 BLHS.</p> <p>13C4. Đưa ra được quan điểm cá nhân về quy định của Điều 56 BLHS.</p> <p>13C5. Đưa ra</p>

	<p>13A7. Nêu được nội dung của quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (Điều 57 BLHS).</p> <p>13A8. Nêu được nội dung của quyết định hình phạt đối với trường hợp đồng phạm (Điều 58 BLHS).</p>	<p>tình huống cụ thể.</p> <p>13B6. Vận dụng được quy định của Điều 56 BLHS về quyết định hình phạt trong trường hợp nhiều bản án vào tình huống cụ thể.</p> <p>13B7. Vận dụng được quy định của Điều 57 BLHS về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt vào tình huống cụ thể.</p> <p>13B8. Vận dụng được quy định của Điều 58 BLHS về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm vào tình huống cụ thể.</p>	<p>được quan điểm cá nhân về quy định của Điều 57 BLHS.</p> <p>13C6. Đưa ra được quan điểm cá nhân về quy định của Điều 58 BLHS.</p>
<p>Vấn đề 14. Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt</p>	<p>14A1. Nêu được định nghĩa thời hiệu thi hành bản án (Điều 60 BLHS).</p> <p>14A2. Nêu được định nghĩa miễn chấp hành hình phạt (Điều 62 BLHS).</p> <p>14A3. Nêu được định nghĩa giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt (Điều 64 BLHS).</p> <p>14A4. Nêu được định nghĩa hoãn chấp hành hình phạt tù (Điều 67 BLHS).</p> <p>14A5. Nêu được định</p>	<p>14B1. Phân tích được cơ sở khoa học của quy định về thời hiệu thi hành bản án.</p> <p>14B2. Vận dụng được lý luận về thời hiệu thi hành bản án giải quyết vụ án cụ thể.</p> <p>14B3. Phân tích được quy định về miễn chấp hành hình phạt; lấy được ví dụ.</p> <p>14B4. Phân tích được các điều kiện để được giảm thời hạn chấp hành hình phạt.</p>	<p>14C1. Xác định được ý nghĩa của quy định về thời hiệu thi hành bản án.</p> <p>14C2. Đưa ra được nhận xét cá nhân về các điều kiện (căn cứ) cho hưởng án treo theo Điều 65 BLHS Việt Nam.</p> <p>14C3. - Đưa ra được quan điểm cá nhân về cách</p>

	<p>nghĩa tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù (Điều 68 BLHS).</p> <p>14A6. Nêu được định nghĩa án treo (Điều 65 BLHS).</p> <p>14A7. Nêu được 4 căn cứ (điều kiện) cho hưởng án treo.</p> <p>14A8. Nêu được quy định của luật hình sự về thời gian thử thách, điều kiện thử thách và hậu quả pháp lý của việc vi phạm điều kiện thử thách của án treo.</p> <p>14A9. Nêu được khái niệm xoá án tích (Điều 69 BLHS).</p>	<p>14B5. Phân tích được các điều kiện để hoãn chấp hành hình phạt tù.</p> <p>14B6. Phân tích được các điều kiện để tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.</p> <p>14B7. So sánh được hoãn chấp hành hình phạt với tạm đình chỉ chấp hành hình phạt.</p> <p>14B8. Phân tích được 4 căn cứ (điều kiện) cho hưởng án treo.</p> <p>14B9. Phân tích được ý nghĩa của thời gian thử thách; phân tích được điều kiện thử thách của án treo và vận dụng được vào vụ án cụ thể.</p> <p>14B10. Vận dụng được quy định của Điều 65 BLHS về án treo để giải quyết tình huống cụ thể. 14B11. Phân biệt được án treo với hình phạt cải tạo không giam giữ.</p> <p>14B12. Xác định được các điều kiện để xoá án tích tại các điều 70, 71, 72, 73, BLHS.</p>	<p>tính thời gian thử thách của án treo theo quy định hiện hành;</p> <p>- Đưa ra được nhận xét cá nhân về quy định tại khoản 5 Điều 65 BLHS.</p> <p>14C4. Đưa ra được quan điểm cá nhân về xoá án tích theo quy định của BLHS Việt Nam.</p>
<p>Vấn đề 15. Trách nhiệm hình sự của người chưa</p>	<p>15A1. Nêu được khái niệm người chưa thành niên phạm tội và đặc điểm tâm lý của người chưa thành</p>	<p>15B1. Phân tích được nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.</p>	<p>15C1. Nêu được quan điểm cá nhân về chính sách hình sự của</p>

thành niên phạm tội	<p>niên.</p> <p>15A2. Nêu được các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.</p> <p>15A3. Nêu được các hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.</p> <p>15A4. Nêu được nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 91 BLHS).</p>	<p>15B2. Phân tích được nội dung các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.</p> <p>15B3. Phân tích được điều kiện áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.</p>	<p>Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội.</p> <p>15C2. Nêu được quan điểm cá nhân về các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.</p> <p>15C3. Đưa ra được nhận xét của cá nhân về các hình phạt quy định trong BLHS đối với người chưa thành niên phạm tội.</p>
---------------------	--	--	--

4. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VD	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	15 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình chi tiết

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1- 2	<p>Chương 1. Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam</p> <p>1.1. Khái niệm luật hình sự</p>	- GV sinh hoạt chung về môn học, và giao bài	- Sv lắng nghe và nhận bài tập từ GV.

	<p>1.2.Các nhiệm vụ (chức năng) của luật hình sự Việt Nam</p> <p>1.3. Các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam</p> <p>1.4.Khoa học luật hình sự</p>	<p>tập cho nhóm làm báo cáo.</p> <p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>
Tiết 3	<p>Chương 2.Nguồn của luật hình sự Việt Nam</p> <p>2.1. Khái niệm nguồn của luật hình sự</p> <p>2.2. Hiệu lực của luật hình sự - những nguyên tắc chung</p> <p>2.3. Bộ luật hình sự Việt Nam - hiệu lực, cấu tạo và vấn đề giải thích pháp luật</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>
Tiết 4 - 5	<p>Chương 3.Tội phạm</p> <p>3.1. Khái niệm tội phạm trong luật hình sự Việt Nam</p> <p>3.1.1. Định nghĩa</p> <p>3.1.2. Các dấu hiệu (đặc điểm) của tội phạm</p> <p>3.1.3. Ý nghĩa của khái niệm tội phạm</p> <p>3.2. Phân loại tội phạm</p> <p>3.3. Tội phạm và các vi phạm pháp luật khác</p> <p>3.3.1. Sự khác nhau giữa tội phạm và các vi phạm pháp luật khác</p> <p>3.3.2. Các tiêu chuẩn phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác</p> <p>3.4. Vấn đề nguồn gốc và bản chất giai cấp của tội phạm</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>

Tiết 6 - 7	Chương 4. Cấu thành tội phạm 4.1. Các yếu tố của tội phạm 4.2. Cấu thành tội phạm 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Đặc điểm của các dấu hiệu trong CTTP 4.2.3. Phân loại CTTP 4.3. Ý nghĩa của CTTP 4.3.1. CTTP là cơ sở pháp lý của TNHS 4.3.2. CTTP là căn cứ pháp lý để định tội 4.3.3. CTTP là căn cứ pháp lý để định khung hình phạt	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 8	Chương 5. Khách thể của tội phạm 5.1. Khách thể của tội phạm 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Ý nghĩa của khách thể của tội phạm 5.1.3. Các loại khách thể của tội phạm 5.2. Đối tượng tác động của tội phạm 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Một số loại đối tượng tác động của tội phạm	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 9-10	Chương 6. Mặt khách quan của tội phạm 6.1. Khái niệm 6.2. Hành vi khách quan của tội phạm 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Hình thức thể hiện của hành vi khách quan của tội phạm 6.2.3. Các dạng cấu trúc đặc biệt của hành vi khách quan của tội phạm 6.3. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội 6.4. Vấn đề quan hệ nhân quả trong luật hình sự 5. Những nội dung biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	Nghe giảng Thảo luận/ Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống
Tiết 11-12	Chương 7. Chủ thể của tội phạm 7.1. Khái niệm	- GV diễn giảng các kiến thức lý	- SV nghe giảng, ghi chép.

	<p>7.2. Năng lực TNHS</p> <p>7.2.1. Khái niệm</p> <p>7.2.2. Tình trạng không có năng lực TNHS</p> <p>7.2.3. Vấn đề năng lực TNHS trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác</p> <p>7.3. Tuổi chịu TNHS</p> <p>7.4. Chủ thể đặc biệt của tội phạm</p> <p>7.5. Vấn đề nhân thân người phạm tội trong luật hình sự</p>	<p>thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>
Tiết 13-15	<p>Chương 8. Mặt chủ quan của tội phạm</p> <p>8.1. Khái niệm</p> <p>8.2. Lỗi</p> <p>8.2.1. Khái niệm</p> <p>8.2.2. Lỗi với vấn đề tự do và trách nhiệm</p> <p>8.2.3. Lỗi cố ý trực tiếp</p> <p>8.2.4. Lỗi cố ý gián tiếp</p> <p>8.2.5. Lỗi vô ý vì quá tự tin</p> <p>8.2.6. Lỗi vô ý vì cẩu thả</p> <p>8.2.7. Trường hợp hỗn hợp lỗi</p> <p>8.2.8. Sự kiện bất ngờ</p> <p>8.3. Động cơ và mục đích phạm tội</p> <p>8.3.1. Động cơ phạm tội</p> <p>8.3.2. Mục đích phạm tội</p> <p>8.4. Sai lầm và ảnh hưởng của sai lầm đối với TNHS</p> <p>8.4.1. Sai lầm về pháp luật</p> <p>8.4.2. Sai lầm về sự việc</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>
Tiết 16-17	<p>Vấn đề 9. Các giai đoạn thực hiện tội phạm</p> <p>9.1. Khái niệm</p> <p>9.2. Chuẩn bị phạm tội</p> <p>9.3. Phạm tội chưa đạt</p> <p>9.3.1. Khái niệm</p> <p>9.3.2. Phân loại các trường hợp phạm tội chưa đạt</p> <p>9.4. Tội phạm hoàn thành</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>

	<p>9.5. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội</p> <p>9.5.1. Điều kiện của tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội</p> <p>9.5.2. Trách nhiệm hình sự trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội</p>	<p>hỏi, giải quyết tình huống.</p>	
<p>Tiết 18-19</p>	<p>Chương 10. Đồng phạm</p> <p>10.1. Khái niệm</p> <p>10.1.1. Những dấu hiệu về mặt khách quan</p> <p>10.1.2. Những dấu hiệu về mặt chủ quan</p> <p>10.2. Các loại người đồng phạm</p> <p>10.2.1. Người thực hành</p> <p>10.2.2. Người tổ chức</p> <p>10.2.3. Người xúi giục</p> <p>10.2.4. Người giúp sức</p> <p>10.3. Các hình thức đồng phạm</p> <p>10.3.1. Phân loại theo dấu hiệu chủ quan</p> <p>10.3.2. Phân loại theo dấu hiệu khách quan</p> <p>10.3.3. Phạm tội có tổ chức</p> <p>10.4. Vấn đề TNHS trong đồng phạm</p> <p>10.4.1. Một số vấn đề liên quan đến xác định tội phạm</p> <p>10.4.2. Các nguyên tắc xác định TNHS trong đồng phạm</p> <p>10.5. Những hành vi liên quan đến tội phạm cấu thành tội độc lập</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>
<p>Tiết 20-21</p>	<p>Chương 11. Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi</p> <p>11.1. Khái niệm</p> <p>11.2. Phòng vệ chính đáng</p> <p>11.3. Tình thế cấp thiết</p> <p>11.4. Một số tình tiết khác loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.</p>

<p>Tiết 22-23</p>	<p>Chương 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt; hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp 12.1. Trách nhiệm hình sự 12.2. Khái niệm và mục đích hình phạt 12.2.1. Khái niệm hình phạt 12.2.2. Mục đích của hình phạt 12.3. Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp 12.3.1. Hệ thống hình phạt 12.3.2. Các biện pháp tư pháp</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.</p>
<p>Tiết 24-25</p>	<p>Chương 13. Quyết định hình phạt 13.1. Khái niệm 13.2. Căn cứ quyết định hình phạt 13.2.1. Các quy định của BLHS 13.2.2. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi 13.2.3. Nhân thân người phạm tội 13.2.4. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS 13.3. Quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt 13.3.1. Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của BLHS 13.3.2. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội 13.3.3. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án 13.3.4. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt 13.3.5. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.</p>
<p>Tiết 26</p>	<p>Chương 14. Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt 14.1. Thời hiệu thi hành bản án 14.2. Miễn chấp hành hình phạt 14.3. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả</p>

	14.4. Án treo 14.5. Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 14.6. Xoá án tích	báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 27-28	Chương 15. Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội 15.1. Đường lối xử lý người chưa thành niên phạm tội 15.1.1. Khái niệm người chưa thành niên phạm tội và đặc điểm tâm lý của người chưa thành niên 15.1.2. Những nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội 15.2. Các biện pháp tư pháp và hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội 15.2.1. Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội 15.2.2. Các hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra:	10

			+ Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm Tổng: 10 điểm	
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lời cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	10
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017;
2. Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO LỰA CHỌN

- 1 Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – phần chung*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam. 2015
- 2 Nguyễn Văn Thuyết (2017), *Bình luận những điểm mới của Bộ luật Hình sự hiện hành*, Nxb CTQG- Sự Thật, Hà Nội.
- 3 Nguyễn Tất Thành (2013), *Luật hình sự một số nước trên thế giới – phần chung*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội
- 4 Vũ Thị Thúy (2010), *Hình phạt tử hình trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc Gia, Tp HCM.

- 5 Võ Thị Kim Oanh chủ biên (2015), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam, Tp HCM.

Cần Thơ, ngày.....tháng..... năm.....

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN